

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày: 27-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú, bà Hoàng Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Núi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/6/1981 tại Hải Dương nay là Hải Phòng. Căn cước công dân số 030081006499.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã C, huyện T1, tỉnh Hải Dương nay là thôn K, xã C, thành phố Hải Phòng; trú tại số 62 P, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương nay là số 62 P, phường T2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T3 và bà Trần Thị K1; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 06/HSST ngày 02/02/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Nộp án phí ngày 19/10/2001, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2001.

- Bản án số 28/2017/HSST ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Nộp án phí ngày 27/4/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/12/2017.

Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2025 chuyển tạm giam từ ngày 14/3/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương nay là Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hải Phòng (Có mặt tại phiên tòa).

2. Đồng Đức L, sinh ngày 18/4/1979 tại Hải Dương nay là Hải Phòng. Căn cước công dân số 030079010261.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn T4, xã L1, thành phố H, tỉnh Hải Dương nay là tổ dân phố T4, phường T5, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Đức S và bà Trần Thị P; có vợ và 03 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định xử phạt hành chính số 1180 ngày 28/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ.

Nhân thân:

- Bản án số 06/2006/HSST ngày 06/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và tội Chống người thi hành công vụ. Nộp án phí ngày 11/4/2006, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2008.

- Bản án số 34/2013/HSST ngày 05/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Nộp án phí ngày 13/02/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2016.

- Quyết định xử phạt hành chính số 60/QĐ ngày 11/4/2005 của Trưởng Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 200.000đ (nộp phạt ngày 14/4/2005).

- Quyết định xử phạt hành chính số 46/QĐ-XPHC ngày 07/5/2013 của Trưởng Công an huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 1.000.000đ (nộp phạt ngày 10/5/2013).

- Quyết định xử phạt hành chính số 08/QĐ-XPVPHC ngày 29/10/2018 của Trưởng Công an phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ (nộp phạt ngày 08/11/2018).

Bị tạm giữ từ ngày 06/3/2025 chuyển tạm giam từ ngày 14/3/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương nay là Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hải Phòng (Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T6, anh Phạm Văn P2, chị Nguyễn Quỳnh A (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Quỳnh A có quan hệ tình cảm với nhau nên T, Quỳnh A và anh Nguyễn Văn T6 (là em trai của Quỳnh A) cùng ở trọ tại nhà số 62 P, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nay là số 62 P, phường T2, thành phố Hải Phòng do anh T6 thuê và ký hợp đồng từ tháng 9/2024 đến nay. Sáng ngày 25/02/2025, T đi xe ô tô khách đến khu vực ngã tư cột đèn thuộc quận An Dương, thành phố Hải Phòng tìm mua ma túy tổng hợp để sử dụng và bán kiếm lời. Tại đây T gặp và mua được 01 túi ma túy và 03 viên nén màu hồng (đều là ma túy Methamphetamine) của 01 người không quen biết với số tiền 4.000.000đ. T mang số ma túy mua được về nhà, chia nhỏ cho vào các túi nilon cất giấu trong 01 (một) hộp kim loại màu trắng có kích thước khoảng (8,0x6,0x2,0)cm, dự định sẽ bán với số tiền 300.000đ/1 túi.

Nguyễn Ngọc T và Đồng Đức L là bạn quen biết nhau từ trước. Tối ngày 04/03/2025, L đến nhà T chơi và ở lại ăn cơm cùng T, Quỳnh A, T6. Sau khi ăn xong, khoảng 20 giờ cùng ngày, Quỳnh A xuống phòng tại tầng 2 để trông con, anh T6 đi có việc còn T và L ngồi chơi tại phòng ngủ của T tại tầng 3. T nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên lấy một phần ma túy từ trong 01 (một) chiếc hộp kim loại màu trắng cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy được để sẵn trên bàn uống nước rồi châm lửa để sử dụng bằng hình thức hút trực tiếp vào cơ thể. Do nhiều lần được T cho sử dụng ma túy cùng, L hiểu T đồng ý cho L cùng sử dụng nên khi thấy T sử dụng xong, L đã lấy bộ dụng cụ để sử dụng ma túy. Lúc sau, T gọi “Quỳnh ơi”, ý T rủ Quỳnh A lên cùng sử dụng ma túy. Thấy vậy, Quỳnh A đi lên phòng ngủ tại tầng 3 của T cùng với T, L sử dụng ma túy. Sau đó, Quỳnh A đi ngủ trước còn L và T tiếp tục sử dụng ma túy.

Do trước đó, T có nhờ L tìm mua giúp cho T 01 chiếc xe máy làm phương tiện đi lại nên khoảng 06 giờ ngày 05/3/2025, T lấy 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm, 01 (một) túi nilon kích thước (1,5x2,0)cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng và 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm bên trong chứa 01 (một) viên nén màu hồng hình tròn đường kính khoảng 0,5cm từ trong hộp kim loại màu trắng rồi đưa cho L. Sau đó T cầm hộp kim loại màu trắng đi ra ngoài. Thấy vậy, L lấy băng dính màu đen quấn 03 túi ma túy mà T cho lại, để trên mặt bàn trong phòng ngủ của T rồi tiếp tục sử dụng ma túy còn lại trong coóng thủy tinh. Khoảng 10 giờ ngày 05/3/2025, L đi có việc nên cất giấu số ma túy mà T cho vào góc phòng ngủ của T rồi đi về, dự định sẽ quay lại lấy số ma túy trên để sử dụng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi T, Quỳnh A, anh T6 và Phạm Văn P2 (là bạn của T) đang ngồi chơi ở nhà T thì tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an phường B kiểm tra, phát hiện tại góc phòng ngủ của T 01 (một) gói quấn bằng băng dính màu đen bên trong có 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm và 01 (một) túi nilon kích thước

(1,5x2,0)cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm bên trong chứa 01 (một) viên nén màu hồng hình tròn đường kính khoảng 0,5cm, T khai nhận chất tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp là của T cho L để sử dụng và L cất giấu số ma túy tại đây; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa màu trắng, nắp chai màu đỏ được đục 02 (hai) lỗ, 01 (một) lỗ được cắm vào coong thủy tinh, 01 (một) lỗ cắm ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 60cm, 01 (một) bật lửa, 01 (một) cân điện tử màu trắng kích thước khoảng (6x10)cm bên dưới có ghi dòng chữ SAILAZA; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x20)cm bên trong chứa các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau. T khai nhận bộ dụng cụ trên là của T dùng để T, L và Quỳnh A sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, T tự nguyện giao nộp trong ngăn tủ thứ nhất bên trái phía trong nhìn từ cửa vào 01 (một) hộp kim loại màu trắng có kích thước khoảng (8,0x6,0x2,0)cm bên trong chứa 07 túi nilon, trong đó có: 01 túi nilon có kích thước khoảng (2,0x2,5)cm nẹp cài viền màu trắng bên trong chứa 01 viên nén màu hồng hình tròn có đường kính khoảng 0,5cm, 02 túi nilon đều có kích thước khoảng (5,5x4,5)cm có nẹp cài viền màu cam bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 03 túi nilon đều có kích thước khoảng (5,5x4,0)cm nẹp cài viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (4,0x5,0)cm nẹp cài viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu hồng. T khai nhận là ma túy tổng hợp cất giấu với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Tổ công tác còn thu giữ tại nền nhà tầng 01 (một) dưới ghế gần chỗ ngồi của T 01 (một) túi nilon màu trắng có kích thước khoảng (2,0x2,0)cm nẹp cài viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy tổng hợp dạng đá), T khai nhận không biết của ai để ở đó. Quá trình bắt giữ có người làm chứng là Nguyễn Quỳnh A, anh Phạm Văn P2 và anh Nguyễn Văn T6.

Chiều ngày 05/3/2025, L quay lại nhà T để lấy số ma túy mà T đã cho thì biết việc T đã bị bắt giữ nên khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương đầu thú, khai nhận hành vi cất giấu trái phép 03 túi ma túy tổng hợp được quán bằng băng dính màu đen tại góc phòng ngủ tầng 3 chỗ ở của T. Số ma túy trên là của T cho L để sử dụng.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 05/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương thể hiện: Nguyễn Ngọc T, Đồng Đức L, Nguyễn Quỳnh A đều dương tính với ma túy Methamphetamine; Nguyễn Văn T6, Phạm Văn P2 âm tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 152/KL-KTHS ngày 08/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương thể hiện:

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng viền

khóa màu đỏ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Khối lượng mẫu là: 0,066g (Không phải không trăm sáu mươi sáu gam).

- Mẫu viên nén hình trụ tròn màu hồng trong túi nilon màu trắng viền khóa màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Khối lượng mẫu là: 0,093g (Không phải không trăm chín mươi ba gam).

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 02 (Hai) túi nilon màu trắng viền khóa màu cam và trong 03 (Ba) túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu là: 25,780g (Hai mươi lăm phẩy bảy trăm tám mươi gam).

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu hồng trong túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M4, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Khối lượng mẫu là: 1,421g (Một phẩy bốn trăm hai mươi một gam).

- Mẫu chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 02 (Hai) túi nilon màu trắng trong gói quần băng dính màu đen, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M6, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu là: 0,518g (Không phẩy năm trăm mười tám gam).

- Mẫu viên nén hình trụ tròn màu hồng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M7, gửi đến giám định là ma túy; loại: Methamphetamine. Khối lượng mẫu là: 0,092g (Không phẩy không trăm chín mươi hai gam).

- Mẫu chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong bầu coóng thủy tinh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M8, gửi đến giám định, là ma túy; loại: Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Hoàn lại đối tượng giám định:

- Trả 0,032g (Không phẩy không trăm ba mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1.

- Trả 0,062g (Không phẩy không trăm sáu mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu trắng và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2.

- Trả 24,695g (Hai mươi tư phẩy không sáu trăm chín mươi lăm gam) ma túy loại Methamphetamine; 02 (Hai) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu cam và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M3 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3.

- Trả 1,247g (Một phẩy hai trăm bốn mươi bảy gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M4 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T4.

- Trả 0,453g (Không phẩy bốn trăm năm mươi ba gam) ma túy loại Methamphetamine; 02 (Hai) vỏ túi nilon màu trắng; 01 (Một) gói quần băng dính màu đen và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M6 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T5.

- Trả 0,063g (Không phẩy không trăm sáu mươi ba gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M7 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T6.

- Trả 01 (Một) cóng thủy tinh và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M8 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T7.

Đối tượng giám định được hoàn lại trong 07 (Bảy) phong bì ký hiệu T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7 đều niêm phong số: 152/KL-KTHS.

Về vật chứng: Đối với đối tượng hoàn lại sau giám định đựng trong (Bảy) phong bì ký hiệu T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7 đều niêm phong số: 152/KL-KTHS; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M5, bên trong có chứa: 01 hộp bằng kim loại màu trắng, kích thước khoảng (8x2x6)cm; 01 Hộp niêm phong ký hiệu M9 có kích thước khoảng (20x10x5)cm, được dán tem niêm phong, bên trong có chứa: 01 cân điện tử màu trắng kích thước (6x10)cm có ghi chữ SAILAZA; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x20)cm bên trong chứa các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau; 01 vỏ chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu đỏ được đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 60cm; 01 bật lửa gas màu cam; 01 phong bì niêm phong chứa: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10s, đã qua sử dụng, lắp sim số 0868465163; 01 phong bì niêm phong số 163/KL-KTHS, bên trong có chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ghi “Phạm Văn P2 giao nộp” đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng chờ xử lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV8 ngày 29/7/2025 và Công văn số 20/CV-VKS ngày 25/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS) và tội “Tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Đồng Đức L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T không thừa nhận các hành vi phạm tội. Bị cáo Đồng Đức L thừa nhận hành vi cất giấu trái phép ma túy mục đích để sử dụng. Bị cáo nhất trí với kết luận giám định, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và công nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng.

Tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Nguyễn Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Đồng Đức L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS đối với Nguyễn Ngọc T.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 BLHS đối với Đồng Đức L.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 12 năm tù đến 12 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07 năm tù đến 07 năm 09 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung các tội từ 19 năm tù đến 20 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/3/2025.

Xử phạt bị cáo Đồng Đức L từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ đối tượng hoàn lại sau giám định đựng trong (Bảy) phong bì ký hiệu T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7 đều niêm phong số: 152/KL-KTHS; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M5, bên trong có chứa: 01 hộp bằng kim loại màu trắng, kích thước khoảng (8x2x6)cm; 01 Hộp niêm phong ký hiệu M9 có kích thước khoảng (20x10x5)cm, được dán tem niêm phong, bên trong có chứa: 01 cân điện tử màu trắng kích thước (6x10)cm

có ghi chữ SAILAZA; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x20)cm bên trong chứa các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau; 01 vỏ chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu đỏ được đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 60cm; 01 bật lửa gas màu cam; 01 phong bì niêm phong số 163/KL-KTHS, bên trong có chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ghi “Phạm Văn P2 giao nộp”. Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10s, đã qua sử dụng, lắp sim số 0868465163.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T nhất trí với tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố nhưng mức án đề nghị áp dụng với bị cáo là quá nặng.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đồng Đức L, chị Nguyễn Quỳnh A, anh Nguyễn Văn T6 không có mâu thuẫn, thù hằn với nhau. Sự việc phát hiện tội phạm và thu giữ vật chứng diễn ra tại nhà số 62 P, phường B, thành phố Hải Dương nay là phường T2, thành phố Hải Phòng vào chiều ngày 05/3/2025 đã được cơ quan điều tra lập biên bản với sự có mặt của bị cáo, sự tham gia của chính quyền địa phương, người làm chứng và người chứng kiến. Tại nhà số 62 P nêu trên là nơi bị cáo cùng Nguyễn Văn T6 thuê để cư trú, trong đó bị cáo quản lý, sử dụng tầng gác 3 (tum) của căn nhà. Như vậy, bị cáo phải thực hiện trách nhiệm quản lý và đảm bảo an ninh trật tự tại nơi mình thuê trọ. Xem xét, đánh giá chứng cứ là lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang là lời khai ban đầu khi vừa bị bắt trước sự chứng kiến của nhiều người, Biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2025, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy với lượng ma túy do bị cáo tự nguyện giao nộp mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời; hành vi chuẩn bị địa điểm, dụng cụ, ma túy để cùng Đồng Đức L, Nguyễn Quỳnh A sử dụng trái phép chất ma túy; hành vi cho Đồng Đức L ma túy. Xét thấy, lời trình bày của bị cáo Nguyễn Ngọc T ban đầu phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với lời khai của người làm chứng và người chứng kiến. Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa thấy rằng chứng cứ mà cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã thu thập đều đảm bảo tính khách quan, tính liên quan và được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Mặc dù bị

cáo thay đổi lời khai xác định trong 07 túi ma túy thu giữ đựng tại hộp sắt có 03 túi ma túy đá khoảng 12g, 01 túi chứa 01 viên ma túy hồng phiên là của bị cáo, 03 túi ma túy đá còn lại và bộ dụng cụ không phải của bị cáo, không biết của ai; ma túy bị cáo cất giấu để sử dụng cho bản thân; bị cáo tự đổ ma túy của mình vào coóng thủy tinh để bản thân sử dụng sau đó Đồng Đức L, Nguyễn Quỳnh A tự lấy bộ dụng cụ để sử dụng ma túy, bị cáo không mời ai, không châm lửa cho ai dùng ma túy; nhà số 62 P là do Nguyễn Văn T6 thuê cho bị cáo và Nguyễn Quỳnh A ở nhờ; bị cáo không cho Đồng Đức L ma túy nhưng với những căn cứ đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận những lời khai này của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đồng Đức L khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai ban đầu của Nguyễn Ngọc T; lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/3/2025 đến khoảng 24 giờ ngày 04/3/2025, tại phòng ngủ tầng 3 số nhà 62 P, phường B, TP. Hải Dương (nay phường T2, thành phố Hải Phòng), Nguyễn Ngọc T chuẩn bị địa điểm, dụng cụ, chất ma túy Methamphetamine để tổ chức cho Đồng Đức L và Nguyễn Quỳnh A sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 06 giờ ngày 05/3/2025, Nguyễn Ngọc T lấy 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm, 01 (một) túi nilon kích thước (1,5x2,0)cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng và 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2,0x2,0)cm bên trong chứa 01 (một) viên nén màu hồng hình tròn đường kính khoảng 0,5cm từ trong hộp kim loại màu trắng của Nguyễn Ngọc T đưa cho Đồng Đức L nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của L.

Khoảng 12 giờ ngày 05/3/2025, tại số nhà 62 P, phường B, thành phố Hải Dương (nay phường T2, thành phố Hải Phòng), Nguyễn Ngọc T đã cất giấu trái phép **27,294g** Methamphetamine để sử dụng và bán kiếm lời, Đồng Đức L đã cất giấu trái phép **0,610g** Methamphetamine để sử dụng thì bị tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Hải Dương phối hợp với Công an phường B phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lượng ma túy bị cáo Nguyễn Ngọc T cất giấu trái phép mục đích để

bán kiểm lời là **27,294g** ma túy loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 BLHS. Nguyễn Ngọc T còn có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ, ma túy để cùng L, Quỳnh A sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 04/3/2025 và hành vi cung cấp trái phép chất ma túy nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của người khác vào ngày 05/3/2025 đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với các tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS. Lượng ma túy bị cáo Đồng Đức L cất giấu trái phép mục đích để sử dụng là **0,610g** ma túy loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý đối với bị cáo:* Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đồng Đức L đều có nhân thân xấu từng bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu; riêng bị cáo L còn bị xét xử về tội xâm phạm an toàn giao thông và có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép năm 2020. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo Đồng Đức L thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Nguyễn Ngọc T khai báo chưa trung thực, quanh co nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Cả hai bị cáo đều có bổ để được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và các quy định của BLHS, thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm từ 02 tội trở lên, HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt theo quy định.

[3] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Về vật chứng:*

Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ đối tượng hoàn lại sau giám định đựng trong (Bẫy) phong bì ký hiệu T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7 đều niêm phong số: 152/KL-

KTHS; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M5, bên trong có chứa: 01 hộp bằng kim loại màu trắng, kích thước khoảng (8x2x6)cm; 01 Hộp niêm phong ký hiệu M9 có kích thước khoảng (20x10x5)cm, được dán tem niêm phong, bên trong có chứa: 01 cân điện tử màu trắng kích thước (6x10)cm có ghi chữ SAILAZA; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x20)cm bên trong chứa các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau; 01 vỏ chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu đỏ được đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 60cm; 01 bật lửa gas màu cam; 01 phong bì niêm phong số 163/KL-KTHS, bên trong có chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ghi “Phạm Văn P2 giao nộp” là các vật cầm tàng trữ, lưu hành, không còn giá trị sử dụng theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10s, đã qua sử dụng, lắp sim số 0868465163 do không liên quan đến hành vi phạm tội theo điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[5] *Về án phí*: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] *Về tố tụng và các vấn đề khác*: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

Quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân, lai lịch của người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Ngọc T; không làm rõ được 01 (một) túi nilon màu trắng, nẹp cài viền màu đỏ bên trong có 0,066g Methamphetamine thu giữ tại khu vực dưới ghế tầng 1 số nhà 62 P, phường B, thành phố Hải Dương nay là phường T2, thành phố Hải Phòng là của ai nên không có căn cứ xử lý. Đối với Đồng Đức L, Nguyễn Quỳnh A có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS áp dụng đối với Nguyễn Ngọc T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 BLHS áp dụng đối với Đồng Đức L.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Đồng Đức L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **12** (mười hai) năm **09** (chín) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, **07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung các tội **20** (hai mươi) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 05/3/2025.

Xử phạt bị cáo Đồng Đức L **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2025.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu và tiêu hủy:

- 0,032g (Không phải không trăm ba mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M1 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1.

- 0,062g (Không phải không trăm sáu mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu trắng và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M2 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2.

- 24,695g (Hai mươi tư phẩy không sáu trăm chín mươi lăm gam) ma túy loại Methamphetamine; 02 (Hai) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu cam và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M3 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3.

- 1,247g (Một phẩy hai trăm bốn mươi bảy gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng viền khóa màu đỏ và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M4 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T4.

- 0,453g (Không phải bốn trăm năm mươi ba gam) ma túy loại Methamphetamine; 02 (Hai) vỏ túi nilon màu trắng; 01 (Một) gói quần bang

đính màu đen và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M6 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T5.

- 0,063g (Không thấy không trăm sáu mươi ba gam) ma túy loại Methamphetamine; 01 (Một) vỏ túi nilon màu trắng và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M7 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T6.

- 01 (Một) coóng thủy tinh và 01 (Một) vỏ phong bì ký hiệu M8 niêm phong mẫu vật gửi đến giám định. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T7.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu M5, bên trong có chứa: 01 hộp bằng kim loại màu trắng, kích thước khoảng (8x2x6)cm.

- 01 Hộp niêm phong ký hiệu M9 bên trong có chứa: 01 cân điện tử màu trắng kích thước (6x10)cm có ghi chữ SAILAZA; 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (10x20)cm bên trong chứa các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau; 01 vỏ chai nhựa màu trắng có nắp nhựa màu đỏ được đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng dài khoảng 60cm; 01 bật lửa ga màu cam.

- 01 phong bì niêm phong số 163/KL-KTHS, bên trong có chứa: 01 vỏ túi nilon màu trắng, 01 vỏ phong bì ghi “Phạm Văn P2 giao nộp” .

3.2. Trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10s, đã qua sử dụng, lắp sim số 0868465163 đựng trong 01 phong bì niêm phong (mặt sau có chữ ký của những người tham gia niêm phong và được đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng ngày 11/8/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Đồng Đức L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 2, Công an TP Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Linh

